|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | *MB01C/QT.VH.014*  **ĐỀ NGHỊ KIÊM HỢP ĐỒNG MỞ, SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VÀ ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ**  **(Dành cho đồng sở hữu tổ chức và cá nhân)[[1]](#footnote-1)** | | | |
| ***Số: ………./20..../MSB -….. Ngày:……………………***  **Mã CIF Khách hàng: …………………..** | | | | | |
| **I. Thông tin Chủ tài khoản** | | | | | |
| **1. Thông tin Chủ tài khoản thứ nhất** | | | | | |
| Tên giao dịch đầy đủ | ………………………………………………………………………………... | | | | |
| Tên tiếng Anh | ………………………………………………………………………………... | | | | |
| Tên giao dịch viết tắt | ………………………………………………………………………………... | | | | |
| Số GCN ĐKDN (Mã số doanh nghiệp)/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là GCN ĐKKD)[[2]](#footnote-2) | …………………………… Cấp ngày: …../…../….. Nơi cấp ……………...... | | | | |
| Số Giấy phép thành lập/Giấy phép thành lập và hoạt động[[3]](#footnote-3)/Số giấy phép hoạt động (nếu có)[[4]](#footnote-4) | …………………………… Cấp ngày: …../…../….. Nơi cấp ……………...... | | | | |
| Mã số thuế/Số định danh (nếu có) | ………………………………………………………………………………… | | | | |
| Địa chỉ trụ sở chính | ………………………………………………………………………………… | | | | |
| Địa chỉ giao dịch | ………………………………………………………………………………… | | | | |
| Thông tin liên lạc | Số điện thoại: …………………… Số Fax : ………………………  Email: ………………………………...……@………….….............................  Trang thông tin điện tử (nếu có):…………………….. | | | | |
| Tình trạng cư trú | Cư trú  Không cư trú | | | | |
| Đối tượng Doanh nghiệp | Nhà nước  FDI  Định chế tài chính  Khác:… | | | | |
| Doanh thu năm gần nhất | Dưới 20 tỷ đồng  Từ 20 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng  Trên 200 tỷ đồng và dưới 1000 tỷ đồng  Từ 1000 tỷ đồng trở lên | | | | |
| Ngành và lĩnh vực hoạt động kinh doanh[[5]](#footnote-5) | …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | | | | |
| Công ty xuất nhập khẩu | Xuất khẩu  Nhập khẩu  Không | | | | |
| Vốn điều lệ | ………………………………………………………………………………… | | | | |
| Số lượng nhân viên | ………………………………………………………………………………… | | | | |
| Thông tin chủ sở hữu hưởng lợi | Người đại diện theo Pháp luật  Cá nhân khác  *(Vui lòng kê khai theo mẫu MB02B -Mẫu thu thập thông tin nhận biết CSHHL –KHTC theo Quyết định 6966/2024/QĐ-TGĐ16 ngày 31/07/2024 hoặc các văn bản sửa đổi bổ sung trong từng thời kỳ)* | | | | |
| Thông tin Người thành lập | Là các cá nhân đã được kê khai tại Mẫu biểu này hoặc các mẫu biểu đi kèm  *(vui lòng ghi rõ họ tên):* ……………………………………………………….  Cá nhân hoặc tổ chức khác *(Vui lòng kê khai theo mẫu biểu MB02A- Mẫu thu thập thông tin nhận biết Người thành lập theo Quyết định 6966/2024/QĐ-TGD16 ngày 31/07/2024 hoặc các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ)* | | | | |
| Thông tin của thỏa thuận pháp lý | Thỏa thuận dưới hình thức ủy thác hoặc hình thức khác có bản chất tương tự được xác lập theo pháp luật nước ngoài, cho phép bên nhận ủy thác được nhận chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp tài sản từ bên ủy thác để thực hiện điều hành, quản lý, giám sát tài sản vì lợi ích của người thụ hưởng hoặc vì mục đích được xác định trong thỏa thuận. Khách hàng có phải là bên nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý không?  Không  Có *(Vui lòng kê khai theo mẫu biểu MB03- Mẫu thu thập thông tin thỏa thuận pháp lý theo Quyết định 6966/2024/QĐ-TGD16 ngày 31/07/2024 hoặc các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ)* | | | | |
| **2. Thông tin Chủ tài khoản thứ hai** | | | | | |
| Họ và tên: …………………………………  Nam Nữ  Ngày sinh[[6]](#footnote-6): …..…/…..…/…..… Người cư trú:  Có  Không  Nghề nghiệp: ……………………………… Chức vụ: ……………………………  Số giấy tờ tùy thân *(Thẻ Căn cước[[7]](#footnote-7)/CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[8]](#footnote-8))*: .………...………….…………….  Ngày cấp: ..…/..…/….… Ngày hết hạn hiệu lực: ….…/.…/…..Nơi cấp: …………………  Số điện thoại liên lạc:……………………… Email: ……………………………….  Quốc tịch:  Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch[[9]](#footnote-9)  01 quốc tịch *(ghi rõ)*: ……………………………….  Từ 2 quốc tịch trở lên[[10]](#footnote-10) *(Liệt kê đầy đủ):* ……………………………….  **Khách hàng có 1 quốc tịch**  Mã số thuế[[11]](#footnote-11) : ……………………………….  Địa chỉ đăng ký thường trú[[12]](#footnote-12)/ đăng ký cư trú ở Việt Nam[[13]](#footnote-13): …………………….  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ...……………………………………………  Số thị thực nhập cảnh[[14]](#footnote-14): …………………...... Thời hạn: …./…./…đến …./…./……  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[15]](#footnote-15):………………………………………………….…  **Khách hàng có 2 quốc tịch[[16]](#footnote-16): thông tin của quốc tịch thứ 2[[17]](#footnote-17):………………….**  Số Hộ chiếu/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp: …………………….……Ngày cấp: …./…./…. Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./……  Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[18]](#footnote-18): ……………………………………………………  **Khách hàng là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch:**  Số giấy chứng nhận căn cước: …………………….…… Ngày cấp: …./…./……  Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./…… Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ đăng ký thường trú: …………………………………… ….…………………………….…………………………….…………………..  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ……………………………………  Chủ sở hữu hưởng lợi:  Chủ tài khoản, không có cá nhân khác  Cá nhân khác[[19]](#footnote-19)  Khách hàng có phải là bên nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý[[20]](#footnote-20)?  Không  Có *(Vui lòng kê khai theo mẫu biểu MB03- Mẫu thu thập thông tin thỏa thuận pháp lý theo Quyết định 6966/2024/QĐ-TGD16 ngày 31/07/2024 hoặc các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ)* | | | | | |
| Mục đích và bản chất mối quan hệ kinh doanh của Khách hàng và MSB: để sử dụng  Sản phẩm thanh toán  Sản phẩm tiền gửi Sản phẩm chuyển tiền quốc tế  Sản phẩm tín dụng  Khác *(vui lòng ghi rõ):* …………………................................... | | | | | |
| **II. Đề nghị MSB cung cấp dịch vụ tài khoản** | | | | | |
| **1. Loại tài khoản:** | | | | | |
| Tài khoản thanh toán | | | | VND  USD  Khác:…… | |
| Tài khoản chuyên dùng đặc biệt[[21]](#footnote-21):………………….. | | | | VND  USD  Khác:…… | |
| Khác:…………………………. | | | | VND  USD  Khác:…… | |
| **2**. Trong trường hợp khách hàng tích vào ô loại tài khoản chuyên dùng đặc biệt khách hàng cam kết sẽ chỉ thực hiện các giao dịch liên quan thông qua tài khoản chuyên dùng đặc biệt tại MSB, sẽ không thực hiện giao dịch qua tài khoản khác tại bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam, đồng thời cam kết:  Chúng tôi cam kết không có tài khoản chuyên dùng đặc biệt tại bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào khác, hoặc  Chúng tôi sẽ cung cấp cho MSB xác nhận của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà chúng tôi đang có tài khoản chuyên dùng đặc biệt về việc đã đóng và tất toán tài khoản này trước khi MSB kích hoạt tài khoản chuyên dùng đặc biệt của chúng tôi tại MSB. | | | | | |
| **3. Sổ phụ, sao kê**  Có  Không  **3.1. Phương thức nhận:**  Nhận qua địa chỉ thư điện tử: ……………@…………….Nhận tại địa chỉ: …………………………  Nhận trực tiếp tại quầy*: Chi nhánh/Phòng giao dịch*…………………………………………………….  Phương thức khác:[[22]](#footnote-22)………………………………………………………………………………………  **3.2. Tần suất nhận:**  Hàng ngày  Hàng tháng  Theo yêu cầu:…………………….. | | | | | |
| **4. Thông tin người giao dịch MSB[[23]](#footnote-23) (không bao gồm Kế toán trưởng/ Người phụ trách kế toán/ Người được ủy quyền nêu tại mục VI dưới đây):**  Họ và tên: …………………………………………  Nam Nữ  Ngày sinh[[24]](#footnote-24): ………………… Người cư trú:  Có  Không Quốc tịch: ……………………………  Nghề nghiệp: ……………………………… Chức vụ: ………………….….....…....  Số giấy tờ tùy thân *(Thẻ Căn cước[[25]](#footnote-25)/CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[26]](#footnote-26))*: .………...…………  Ngày cấp: …..…/…..…/…..… Ngày đến hạn: ….../…../….. Nơi cấp: ………………………………………  Nơi cấp: ………………………………………  Số điện thoại liên lạc:……………………… Email: ……………………………… | | | | | |
| **III. Đăng ký thông tin dịch vụ SMS Banking[[27]](#footnote-27)**  Có  Không | | | | | |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Số điện thoại liên lạc** | **Họ và tên** | **Nghề nghiệp và Chức vụ** | **Quốc tịch** | **Số giấy tờ tùy thân[[28]](#footnote-28)** | **Dịch vụ** | | | | | **Ghi chú** | | Truy vấn, sao kê | Biến động số dư | Cảnh báo vay đến hạn | Thông báo trả lãi | Thông báo hủy giao dịch | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | | | | | |
| ***Lưu ý:*** *MSB sẽ gửi SMS cảnh báo khoản vay đến hạn trước thời điểm đến hạn 01 tháng, trường hợp khách hàng có nhu cầu nhận SMS cảnh bảo khoản vay đến hạn khác, vui lòng điền thông tin tại cột ghi chú* | | | | | |
| **IV. Đăng ký mẫu dấu, chữ ký** | | | | | |
| 1. **Chủ tài khoản thứ nhất** | | | | | |
| |  |  | | --- | --- | | 1. **Người đại diện theo pháp luật** | | | Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[29]](#footnote-29):…………………………………………………  Họ và tên: …………………………………  Nam Nữ  Ngày sinh[[30]](#footnote-30): …..…/…..…/…..… Người cư trú:  Có  Không  Nghề nghiệp: ……………………………… Chức vụ: …………………………… Số giấy tờ tùy thân *(Thẻ Căn cước[[31]](#footnote-31)/CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[32]](#footnote-32))*: .………...………….…………….  Ngày cấp: ..…/..…/….… Ngày hết hạn hiệu lực: ….…/.…/…..  Nơi cấp: ………………………………  Số điện thoại liên lạc:……………………… Email: ……………………………….  Quốc tịch:  Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch[[33]](#footnote-33)  01 quốc tịch *(ghi rõ)*: ……………………………….  Từ 2 quốc tịch trở lên[[34]](#footnote-34) *(Liệt kê đầy đủ):* ……………………………….  **NĐDTPL có 1 quốc tịch**  Mã số thuế[[35]](#footnote-35) : ……………………………….  Địa chỉ đăng ký thường trú[[36]](#footnote-36)/ đăng ký cư trú ở Việt Nam[[37]](#footnote-37): …………………….  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ...……………………………………………  Số thị thực nhập cảnh[[38]](#footnote-38): …………………...... Thời hạn: …./…./…đến …./…./……  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[39]](#footnote-39):………………………………………………….…  **NĐDTPL có 2 quốc tịch[[40]](#footnote-40): thông tin của quốc tịch thứ 2[[41]](#footnote-41):………………….**  Số Hộ chiếu/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp: …………………….……Ngày cấp: …./…./…. Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./……  Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[42]](#footnote-42): ……………………………………………………  **NĐDTPL là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch:**  Số giấy chứng nhận căn cước: …………………….…… Ngày cấp: …./…./……  Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./…… Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ đăng ký thường trú: …………………………………… ….…………………………….…………………………….…………………..  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: …………………………………… | Chữ ký thứ nhất | | Chữ ký thứ hai | | 1. **Người đại diện theo ủy quyền**   *Trường hợp có nhiều hơn 1 người được ủy quyền, NVDVTK bổ sung thêm phần thông tin người được ủy quyền để Khách hàng kê khai* | | | Họ và tên: …………………………………………  Nam Nữ  Ngày sinh[[43]](#footnote-43): ….../…../….. Người cư trú:  Có  Không  Nghề nghiệp: ……………………………… Chức vụ: ………………………………  Số giấy tờ tùy thân *(Thẻ Căn cước[[44]](#footnote-44)/CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[45]](#footnote-45))*: …………………….  Ngày cấp: ….../…../….. Ngày hết hạn hiệu lực: ….../…../…..  Nơi cấp: ………………………………  Số điện thoại liên lạc: ………………………… Email: ………………………………  Quốc tịch:  Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch[[46]](#footnote-46)  01 quốc tịch *(ghi rõ)*:………………………  Từ 2 quốc tịch trở lên[[47]](#footnote-47) *(Liệt kê đầy đủ):* ………………………………  **NĐDTUQ có 1 quốc tịch**  Mã số thuế[[48]](#footnote-48) : ………………………………  Địa chỉ đăng ký thường trú[[49]](#footnote-49)/ đăng ký cư trú ở Việt Nam[[50]](#footnote-50): ………………….… ….…………………………….…………………………….……………………...  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ...…………………………………………  Số thị thực nhập cảnh[[51]](#footnote-51): …………………....... Thời hạn: …./…./……đến…./.…/…  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[52]](#footnote-52):…………………………………………………  **NĐDTUQ có 2 quốc tịch[[53]](#footnote-53): thông tin của quốc tịch thứ 2[[54]](#footnote-54): …………………........**  Số Hộ chiếu/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp: …………………….……Ngày cấp: …..…/…….../……...  Ngày hết hạn hiệu lực: ….../…../….. Nơi cấp: …………………..  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[55]](#footnote-55): ……………………………………………………  **NĐDTUQ là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch:**  Số giấy chứng nhận căn cước:……………..Ngày cấp:…./……/……..  Ngày hết hạn hiệu lực: …./……/…….. Nơi cấp: …………………  Địa chỉ đăng ký thường trú: ……………………………………  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ……………………………………  Phạm vi ủy quyền: [[56]](#footnote-56) ……………………………………………  Thời hạn ủy quyền: …………………………………………… | Chữ ký thứ nhất | | Chữ ký thứ hai | | 1. **Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán** | | | Họ và tên: …………………………………………  Nam Nữ  Ngày sinh[[57]](#footnote-57): …./…./…… Người cư trú:  Có  Không  Nghề nghiệp: ……………………………… Chức vụ: ………………….….....…....  Số giấy tờ tùy thân *(Thẻ Căn cước[[58]](#footnote-58)/CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[59]](#footnote-59))*: .………...…………  Ngày cấp: …./…./…… Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./……  Nơi cấp: ………………………………………  Số điện thoại liên lạc:……………………… Email: ……………………………….  Quốc tịch:  Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch[[60]](#footnote-60)  01 quốc tịch *(ghi rõ)*: ………………………  Từ 2 quốc tịch trở lên[[61]](#footnote-61) *(Liệt kê đầy đủ):* ………………………  **KTT/NPTKT có 1 quốc tịch**  Mã số thuế[[62]](#footnote-62) : ………………………  Địa chỉ đăng ký thường trú[[63]](#footnote-63)/ đăng ký cư trú ở Việt Nam[[64]](#footnote-64): ...……………………  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ...……………………………………………  Số thị thực nhập cảnh[[65]](#footnote-65): …………………....... Thời hạn: …./…./……đến…./.…/…  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[66]](#footnote-66):…………………………………………………  **KTT/NPTKT có 2 quốc tịch[[67]](#footnote-67): thông tin của quốc tịch thứ 2[[68]](#footnote-68): …………………........**  Số Hộ chiếu/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp: …………………….……Ngày cấp: …./…./……  Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./…… Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[69]](#footnote-69): …………………….……  **KTT/NPTKT là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch:**  Số giấy chứng nhận căn cước: …………………….…… Ngày cấp: …./…./……  Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./…… Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ đăng ký thường trú: ……………………………………  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: …………………………………… | Chữ ký thứ nhất | | Chữ ký thứ hai | | 1. **Người được kế toán trưởng/ người phụ trách kế toán ủy quyền**   *Trường hợp có nhiều hơn 1 người được ủy quyền, NVDVTK bổ sung phần thông tin người được ủy quyền để Khách hàng kê khai* | | | Họ và tên: …………………………………………  Nam Nữ  Ngày sinh[[70]](#footnote-70): …./…./…… Người cư trú:  Có  Không  Nghề nghiệp: ……………………………… Chức vụ: ………………….….....…....  Số giấy tờ tùy thân *(Thẻ Căn cước[[71]](#footnote-71)/CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[72]](#footnote-72))*: ………………….……  Ngày cấp: …./…./…… Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./……  Nơi cấp: …………………….……  Số điện thoại liên lạc:……………………… Email: ……………………………….  Quốc tịch:  Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch[[73]](#footnote-73)  01 quốc tịch *(ghi rõ)*: ………………………  Từ 2 quốc tịch trở lên[[74]](#footnote-74) *(Liệt kê đầy đủ):* ……………………….  **Người được KTT/NPTKT UQ có 1 quốc tịch**  Mã số thuế[[75]](#footnote-75) : ……………………….  Địa chỉ đăng ký thường trú[[76]](#footnote-76)/ đăng ký cư trú ở Việt Nam[[77]](#footnote-77): ……………………….  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ...……………………………………………  Số thị thực nhập cảnh[[78]](#footnote-78): ……………………… Thời hạn: …./…./…… đến…./.…/…  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[79]](#footnote-79):…………………………………………………  **Người được KTT/NPTKT UQ có 2 quốc tịch[[80]](#footnote-80): thông tin của quốc tịch thứ 2[[81]](#footnote-81): …………………........**  Số Hộ chiếu/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp: …………………….……Ngày cấp: …./…./…… .  Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./…… Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[82]](#footnote-82): …………………….……  **Người được KTT/NPTKT UQ là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch:**  Số giấy chứng nhận căn cước: ……….…….Ngày cấp: …./…./……  Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./…… Nơi cấp: ……….…….  Địa chỉ đăng ký thường trú:……………………………………………  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*:………………………………………….  Phạm vi ủy quyền[[83]](#footnote-83): ………………………………………….  Thời hạn ủy quyền: …………………………………………. | Chữ ký thứ nhất | | Chữ ký thứ hai | | | | | | |
| 1. **Chủ tài khoản thứ hai** | | | | | |
| Họ và tên: …………………………………  Nam Nữ  Ngày sinh[[84]](#footnote-84): …..…/…..…/…..… Người cư trú:  Có  Không  Nghề nghiệp: ……………………………… Chức vụ: ……………………………  Số giấy tờ tùy thân *(Thẻ Căn cước[[85]](#footnote-85)/CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[86]](#footnote-86))*: .………...………….…………….  Ngày cấp: ..…/..…/….… Ngày hết hạn hiệu lực: ….…/.…/…..Nơi cấp: …………………  Số điện thoại liên lạc:……………………… Email: ……………………………….  Quốc tịch:  Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch[[87]](#footnote-87)  01 quốc tịch *(ghi rõ)*: ……………………………….  Từ 2 quốc tịch trở lên[[88]](#footnote-88) *(Liệt kê đầy đủ):* ……………………………….  **Khách hàng có 1 quốc tịch**  Mã số thuế[[89]](#footnote-89) : ……………………………….  Địa chỉ đăng ký thường trú[[90]](#footnote-90)/ đăng ký cư trú ở Việt Nam[[91]](#footnote-91): …………………….  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ...……………………………………………  Số thị thực nhập cảnh[[92]](#footnote-92): …………………..... Thời hạn: …./…./…đến …./…./……  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[93]](#footnote-93):………………………………………………….…  **Khách hàng có 2 quốc tịch[[94]](#footnote-94): thông tin của quốc tịch thứ 2[[95]](#footnote-95):………………….**  Số Hộ chiếu/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp: …………………….……Ngày cấp: …./…./…. Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./……  Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[96]](#footnote-96): ……………………………………………………  **Khách hàng là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch:**  Số giấy chứng nhận căn cước: …………………….…… Ngày cấp: …./…./……  Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./…… Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ đăng ký thường trú: …………………………………… ….…………………………….…………………………….…………………..  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: …………………………………… | | | | | Chữ ký thứ nhất |
| Chữ ký thứ hai |
| **Nguyên tắc chữ ký khi giao dịch tài khoản thanh toán chung:**   * Chứng từ/ hồ sơ giao dịch phát sinh trên tài khoản của chúng tôi tại MSB có hiệu lực khi *(chọn một trong các nguyên tắc):*   Có dấu, một chữ ký thuộc Nhóm chữ ký thứ nhất (Người đại diện hợp pháp), một chữ ký thuộc Nhóm chữ ký thứ hai (Kế toán trưởng) của Chủ tài khoản thứ nhất và chữ ký của Chủ tài khoản thứ hai**.**  Có dấu, một chữ ký thuộc Nhóm chữ ký thứ nhất và một chữ ký thuộc Nhóm chữ ký thứ hai của Chủ tài khoản thứ nhất; hoặc chữ ký của Chủ tài khoản thứ hai.  Khác:…………………………………………………………………………   * Hiệu lực của bộ mẫu dấu, mẫu chữ ký *(chọn một trong hai)*:   Đến ngày …../…../20…  Cho đến khi có thay thế/bổ sung   * Nội dung khác[[97]](#footnote-97):………………………………………………………… | | | | | **Mẫu dấu** |
| **V. Thông tin liên quan đến Giám đốc hoặc Tổng Giám Đốc[[98]](#footnote-98) của Chủ tài khoản thứ nhất**  Họ và tên: ………………………………………….  Nam Nữ  Ngày sinh[[99]](#footnote-99): …./…./…… Người cư trú:  Có  Không  Nghề nghiệp: ……………………………… Chức vụ: ………………….….....….....….....…......  Số giấy tờ tùy thân *(Thẻ Căn cước[[100]](#footnote-100)/CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[101]](#footnote-101))*: ………………………………  Ngày cấp: …./…./…… Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./……  Nơi cấp: ………………………………  Số điện thoại liên lạc:… ……………………………… Email: ……………………………….  Quốc tịch:  Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch[[102]](#footnote-102)  01 quốc tịch *(ghi rõ)*: ………………………………  Từ 2 quốc tịch trở lên[[103]](#footnote-103) *(Liệt kê đầy đủ):* ………………………………  **TGĐ/GĐ có 1 quốc tịch**  Mã số thuế[[104]](#footnote-104) : ………………………………  Địa chỉ đăng ký thường trú[[105]](#footnote-105)/ đăng ký cư trú ở Việt Nam[[106]](#footnote-106): ………………………………  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ………………………………  Số thị thực nhập cảnh[[107]](#footnote-107): ………………………… Thời hạn: …./…./…… đến …./…./……  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[108]](#footnote-108):…………………………………………………………....…...  **TGĐ/GĐ có 2 quốc tịch[[109]](#footnote-109): thông tin của quốc tịch thứ 2[[110]](#footnote-110): …………………........**  Số Hộ chiếu/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp: …………………….……  Ngày cấp: …./…./…… Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[111]](#footnote-111): …………………….……  **TGĐ/GĐ là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch:**  Số giấy chứng nhận căn cước: …………………….…… Ngày cấp: …./…./……  Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./…… Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ đăng ký thường trú: …………………….……  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: …………………….…… | | | | | |
| **VI. Cam kết của Khách hàng** | | | | | |
| **Chúng tôi cam kết:**   1. Cung cấp đầy đủ, chính xác và cập nhật kịp thời cho MSB những thông tin trong hồ sơ tài khoản thanh toán, các thông tin bổ sung theo yêu cầu của MSB hoặc theo thỏa thuận; chịu trách nhiệm về những rủi ro phát sinh trong trường hợp cung cấp, cập nhật thông tin không đầy đủ, chính xác, kịp thời và những thiệt hại do sai sót của mình gây ra 2. Các thông tin số điện thoại chúng tôi kê khai là số điện thoại chính chủ, thuộc sở hữu hợp pháp của chúng tôi, không dùng chung/thuê/mượn của người khác. Chúng tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thiệt hại xảy ra (nếu có) do việc đăng ký, sử dụng số điện thoại không thuộc sở hữu hợp pháp của chúng tôi. 3. Chủ động cung cấp kịp thời và đầy đủ thông tin cho MSB về (i) cá nhân, tổ chức là Người có liên quan của mình, (ii) nếu chúng tôi thuộc trường hợp Người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của MSB; công ty con, công ty liên kết của MSB để tuân thủ các quy định về công bố thông tin, phê duyệt hợp đồng giao dịch v.v…và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc không/chậm cung cấp thông tin này. 4. Đã được MSB cung cấp đầy đủ thông tin, đã đọc kỹ và được giải thích chi tiết, rõ ràng về Bản Điều khoản điều kiện bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin khách hàng (“**Bản Điều Khoản Điều Kiện Bảo Vệ DLCN**”) được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của MSB tại địa chỉ [www.msb.com.vn](http://www.msb.com.vn) và/hoặc tại các điểm giao dịch của MSB. 5. Trên cơ sở tự nguyện và biết rõ về: 6. phạm vi, loại dữ liệu cá nhân, thông tin khách hàng được thu thập, sử dụng, xử lý (bao gồm cả dữ liệu cá nhân nhạy cảm như dữ liệu sinh trắc học, thông tin, dữ liệu khác gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân); 7. mục đích thu thập, sử dụng, xử lý dữ liệu cá nhân, thông tin khách hàng; 8. thời hạn lưu trữ dữ liệu cá nhân, thông tin khách hàng; 9. tổ chức, cá nhân được sử dụng, xử lý dữ liệu cá nhân, thông tin khách hàng; và 10. quyền và nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu (đối với dữ liệu cá nhân), quyền và nghĩa vụ của khách hàng (đối với thông tin khách hàng),   Bằng văn bản này, chúng tôi **ĐỒNG Ý** với toàn bộ nội dung của Bản Điều Khoản Điều Kiện Bảo Vệ DLCN liên quan đến việc thu thập, sử dụng, xử lý dữ liệu cá nhân, thông tin khách hàng cung cấp cho MSB trong quá trình giao kết, thực hiện Đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản và đăng ký dịch vụ này (không phụ thuộc vào việc chúng tôi đã tích chọn Đồng ý trên Bản Điều Khoản Điều Kiện Bảo Vệ DLCN hay chưa) và **ĐỒNG Ý** để MSB thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của chúng tôi.   1. Trường hợp chúng tôi cung cấp thông tin, dữ liệu của tổ chức, cá nhân khác, chúng tôi cam kết đã được ủy quyền hợp pháp để thay mặt tổ chức, cá nhân đó thực hiện tất cả các thủ tục với MSB liên quan tới cung cấp, sử dụng thông tin khách hàng, xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật. Chúng tôi cam kết thêm rằng tổ chức, cá nhân ủy quyền đã biết rõ và đồng ý về việc thông tin, dữ liệu của họ sẽ được thu thập, sử dụng, xử lý theo Bản Điều Khoản Điều Kiện Bảo Vệ DLCN). 2. Đã được MSB cung cấp đầy đủ thông tin, đã đọc kỹ và được giải thích chi tiết, rõ ràng về (i) tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán (ii) trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán (iii) sản phẩm, dịch vụ mà chúng tôi đăng ký tại Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng dịch vụ tài khoản và đăng ký dịch vụ này cũng như “Bản điều khoản điều kiện giao dịch chung mở tài khoản và sử dụng dịch vụ cho KHTC” và “Bản Điều khoản và điều kiện giao dịch chung dịch vụ ngân hàng điện tử M-Banking dành cho khách hàng tổ chức” được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của MSB tại địa chỉ [www.msb.com.vn](http://www.msb.com.vn) (*sau đây gọi chung là “****Điều khoản điều kiện****”*) (iv) các phương thức thủ đoạn tội phạm trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán; việc bảo mật thông tin dữ liệu và việc sử dụng tài khoản thanh toán an toàn (v) hành vi bị cấm trong mở, sử dụng tài khoản thanh toán và các quyền, nghĩa vụ của chúng tôi. Bằng văn bản này, chúng tôi xác nhận **ĐỒNG Ý** với toàn bộ nội dung của Điều khoản điều kiện và các quy định, hướng dẫn của MSB. 3. Đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản và đăng ký dịch vụ này sau khi được MSB chấp thuận, cùng với ***Điều khoản điều kiện*** niêm yết công khai trên website của MSB tạo thành một thỏa thuận thống nhất, không tách rời, có giá trị pháp lý như một Thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán hoàn chỉnh, có giá trị pháp lý ràng buộc với chúng tôi khi sử dụng dịch vụ của MSB.   7. Đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản và đăng ký dịch vụ này được lập thành hai (02) bản, mỗi Bên giữ một (01) bản, có giá trị pháp lý như nhau.  *……………,ngày ….. tháng ….. năm …..* | | | | | |
| **Người đại diện theo Pháp luật[[112]](#footnote-112) của Chủ tài khoản thứ nhất**  *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* | | | **Chủ tài khoản thứ hai**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **VII. Thông tin về FATCA (đạo luật tuân thủ về thuế đối với tài khoản nước ngoài do Hoa Kỳ ban hành) – Chủ tài khoản thứ nhất**  **Vui lòng *chọn một trong các trạng thái sau:***  **Tổ chức được thành lập tại Hoa Kỳ hoặc theo pháp luật Hoa Kỳ hoặc theo bất kỳ tiểu Bang nào của Hoa Kỳ**  Vui lòng cung cấp Mã số thuế tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với chính phủ Hoa Kỳ (U.S TIN):   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   Vui lòng bổ sung thông tin theo mẫu W9 để xác nhận trạng thái Hoa Kỳ  **Chủ sở hữu hưởng lợi miễn trừ**  Vui lòng cung cấp W-8BEN-E hoặc ghi rõ trạng thái miễn trừ*:* ………………………………….  **Tổ chức tài chính[[113]](#footnote-113) ngoài Hoa Kỳ theo quy định của FATCA**  *Vui lòng chọn một trong các trạng thái tuân thủ FATCA dưới đây:*  Tổ chức tài chính Việt Nam hoặc Tổ chức tài chính thuộc các quốc gia tuân thủ IGA (không bị xếp vào nhóm không tuân thủ theo quy định của IGA)  *Mã GIIN[[114]](#footnote-114) do IRS cấp:*……………………………………………………………………  Tổ chức tài chính tuân thủ/ ấn định tuân thủ được đăng ký  *Mã GIIN do IRS cấp (bắt buộc):………………………………………………………………….*  Tổ chức tài chính ấn định tuân thủ được chứng thực  *Vui lòng cung cấp W-8BEN-E hoặc ghi rõ trạng thái*……………………………………...  Tổ chức tài chính nước ngoài không tuân thủ  **Khách hàng là Tổ chức phi tài chính ngoài Hoa Kỳ**  *Vui lòng chọn một trong các trạng thái dưới đây:*  Không có Người kiểm soát[[115]](#footnote-115) là Đối tượng Hoa Kỳ  Có Người kiểm soát là Đối tượng Hoa Kỳ  Vui lòng cung cấp thông tin Người kiểm soát là Đối tượng Hoa Kỳ *(Trường hợp có nhiều hơn 01 Người kiểm soát là Đối tượng Hoa Kỳ, NV DVTK bổ sung thêm thông tin tương tự)*  Họ và tên:………………………………........................................... Số Hộ chiếu[[116]](#footnote-116):……………………..  Địa chỉ thường trú:………………………………………………… Quốc tịch:……………...…………...   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   U.S. TIN:  Vui lòng điền mẫu W-8BEN-E để xác nhận trạng thái FATCA của Khách hàng  Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ thông báo cho MSB trong vòng 30 ngày theo lịch kể từ khi có sự thay đổi về các thông tin đã kê khai như trên.  Trường hợp tại thời điểm mở tài khoản hoặc thay đổi thông tin hồ sơ Khách hàng, Khách hàng chưa cung cấp được mẫu W9/W-8BEN-E hoặc các giấy tờ liên quan theo yêu cầu của MSB, vui lòng xác nhận vào ô bên dưới:  Chúng tôi/Tôi xác nhận sẽ cung cấp mẫu W9/W-8BEN-E hoặc các giấy tờ liên quan theo yêu cầu của MSB trong vòng …….… ngày kể từ ngày mở tài khoản hoặc thay đổi thông tin hồ sơ Khách hàng (tối đa 90 ngày theo lịch) | | | | |
| **VIII. Thông tin về FATCA (đạo luật tuân thủ về thuế đối với tài khoản nước ngoài do Hoa Kỳ ban hành) – Chủ tài khoản thứ hai**   1. Khách hàng và/hoặc người được ủy quyền có phải là Công dân Hoa Kỳ hoặc là người được cấp Thẻ thường trú nhân (Thẻ Xanh) hoặc là cá nhân cư trúi tại Hoa Kỳ hoặc có nơi sinh tại Hoa Kỳ không?  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Không | Có. Vui lòng cung cấp mã số thuế Hoa Kỳii | U.S. TIN | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  1. Đối tượng cư trú của Hoa Kỳ ở đây được hiểu là cá nhân không có quốc tịch Hoa Kỳ và thẻ xanh nhưng có sự hiện diện vật lý tại Hoa Kỳ ít nhất (i) 31 ngày trong năm hiện tại và (ii) 183 ngày trong giai đoạn 03 năm, bao gồm năm hiện tại và 02 năm liền kề trước đó (số ngày năm hiện tại + 1/3 số ngày của năm liền trước + 1/6 số ngày của năm trước năm hiện tại 02 năm >= 183 ngày) 2. Mã số thuế Hoa Kỳ nghĩa là mã số thuế của người nộp thuế tại Hoa Kỳ hoặc mã an sinh xã hội. TIN gồm 9 ký tự số. 3. Tôi cam kết sẽ thông báo cho MSB trong vòng 30 ngày theo lịch kể từ khi có sự thay đổi về các thông tin đã kê khai như trên. | | | | |
| **IX. Phần dành cho Ngân hàng** | | | | |
| **1. Thông tin nhận diện Khách hàng** | | | | |
| Phân khúc khách hàng | DN lớn (LC)  DN vừa (MC)  DN vừa và nhỏ (SME)  DN siêu nhỏ (SSE) | | | |
| Đơn vị quản lý Khách hàng | Khối KHCL  Ngân hàng Doanh nghiệp (EB)  🞏 Ban KHDN Vốn đầu tư nước ngoài  🞏 Trung tâm phân khúc KHDNL  🞏 Trung tâm bán hàng và Kênh phân phối | | Ngân hàng Quản lý tín dụng  Ngân hàng Bán lẻ (RB)  Ngân hàng Định chế tài chính | |
| Ngành và lĩnh vực kinh doanh | **Doanh nghiệp Nhà nước, FDI, doanh nghiệp có doanh thu >= 1000 tỷ đồng:**  Xây dựng – Vật liệu xây dựng  Thực phẩm & thức ăn chăn nuôi  Thương mại tiêu dùng  Khác:..............................................  **Doanh nghiệp khác:**  Xây dựng  Thương mại  Sản xuất  Khác:................. | | | |
| Thông tin chuỗi/bán chéo[[117]](#footnote-117) | Khách hàng thuộc chuỗi  CIF Anchor: ……… Tên Anchor ………….....…..  Khách hàng là đối tượng nhận được bán chéo (giới thiệu)  CIF Khách hàng bán chéo: ……… Tên Khách hàng bán chéo: ………….......... | | | |
| **2. Phần dành cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ[[118]](#footnote-118)** | | | | |
| NV tiếp nhận hồ sơ[[119]](#footnote-119)  Họ và tên: ……………  Ngày: ……/……/……  CB quản lý khách hàng  🞏 RM chính: ……  🞏 TB sale: ……  🞏 CM sale: ……  🞏 RM bán chéo: …… | Lãnh đạo ĐVKD[[120]](#footnote-120)  Họ và tên: ………………………  Ngày:………/………/………….. | | | |
| **3. Phần dành cho bộ phận dịch vụ tài khoản/DVKH/ Phòng TNĐCTC** | | | | |
| Mã khách hàng 1: ………………………… | | Mã khách hàng 2: ………………………… | | |
| **Loại tài khoản** | **Số tài khoản** | | | **Loại tiền** |
|  |  | | |  |
|  |  | | |  |
| **Người thực hiện** | **Người kiểm soát** | | | *Ngày tháng năm*  **Người phê duyệt**  *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |
| Cập nhật hồ sơ lên hệ thống | | | |
| Họ và tên: ………………………...  Ngày:……./……/…… | Họ và tên: ……………………  Ngày:…….../……..…/………... | | |
| Quét chữ ký, mẫu dấu [[121]](#footnote-121) | | | |
| Họ và tên: ………………………..  Ngày:……/..…/……. | Họ và tên: ……………………  Ngày:…….../……..…/………... | | |

1. Khách hàng gạch chéo đối với những phần thông tin không phù hợp hoặc không sử dụng. [↑](#footnote-ref-1)
2. Áp dụng đối với trường hợp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư trước ngày 1/7/2015 và không có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại các tài liệu này. [↑](#footnote-ref-2)
3. Áp dụng đối với trường hợp pháp luật quy định bắt buộc phải có [↑](#footnote-ref-3)
4. Áp dụng đối với trường hợp pháp luật quy định bắt buộc phải có [↑](#footnote-ref-4)
5. Ghi rõ mã ngành kinh doanh chính của doanh nghiệp theo ngành cấp 5. Ngành kinh doanh chính của doanh nghiệp được căn cứ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp. Trong trường hợp trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp không có ngành kinh doanh chính thì căn cứ vào ngành có doanh thu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp hoạt động của năm tài chính gần nhất [↑](#footnote-ref-5)
6. Ghi rõ đầy đủ Ngày, tháng, năm sinh. [↑](#footnote-ref-6)
7. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-7)
8. Áp dụng đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-8)
9. Bắt buộc điền thông tin liên quan Khách hàng Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch bên dưới. [↑](#footnote-ref-9)
10. Bắt buộc điền đầy đủ các thông tin nhận dạng tương ứng với các quốc tịch đối với khách hàng cá nhân có từ hai quốc tịch trở lên. [↑](#footnote-ref-10)
11. Nếu không có: vui lòng ghi rõ “Không có”. [↑](#footnote-ref-11)
12. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam. [↑](#footnote-ref-12)
13. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-13)
14. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật. [↑](#footnote-ref-14)
15. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-15)
16. Quốc tịch thứ nhất: điền thông tin tại mục phía trên.Khách hàng có 1 quốc tịch. [↑](#footnote-ref-16)
17. Trường hợp khách hàng có nhiều hơn 2 quốc tich, vui lòng bổ sung thêm trường thông tin tương tự để kê khai [↑](#footnote-ref-17)
18. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-18)
19. Nếu là cá nhân khác vui lòng bổ sung thông tin theo mẫu **MB01B -Mẫu thu thập thông tin nhận biết CSHHL –KHCN theo Quyết định 6966/2024/QĐ-TGĐ16 ngày 31/07/2024 hoặc các văn bản sửa đổi bổ sung trong từng thời kỳ** [↑](#footnote-ref-19)
20. Thỏa thuận dưới hình thức ủy thác hoặc hình thức khác có bản chất tương tự được xác lập theo pháp luật nước ngoài, cho phép bên nhận ủy thác được nhận chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp tài sản từ bên ủy thác để thực hiện điều hành, quản lý, giám sát tài sản vì lợi ích của người thụ hưởng hoặc vì mục đích được xác định trong thỏa thuận [↑](#footnote-ref-20)
21. Khách hàng chủ động ghi rõ các loại tài khoản chuyên dùng đặc biệt cần mở như Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam, Tài khoản vay trả nợ nước ngoài, ... Tham khảo HD.EB.001 hoặc các quy định khác trong từng thời kỳ. [↑](#footnote-ref-21)
22. Theo quy định cụ thể của từng thời kỳ [↑](#footnote-ref-22)
23. Trường hợp có nhiều hơn 1 người giao dịch, NV DVTK bổ sung phần thông tin người giao dịch để Khách hàng kê khai [↑](#footnote-ref-23)
24. Ghi rõ đầy đủ Ngày, tháng, năm sinh. [↑](#footnote-ref-24)
25. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD hoặc cao hơn một cấp để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-25)
26. Áp dụng đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-26)
27. Chỉ áp dụng đăng ký dịch vụ SMS Banking [↑](#footnote-ref-27)
28. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-28)
29. Bắt buộc đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-29)
30. Ghi rõ đầy đủ Ngày, tháng, năm sinh. [↑](#footnote-ref-30)
31. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-31)
32. Áp dụng đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-32)
33. Bắt buộc điền thông tin liên quan Khách hàng Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch bên dưới. [↑](#footnote-ref-33)
34. Bắt buộc điền đầy đủ các thông tin nhận dạng tương ứng với các quốc tịch đối với khách hàng cá nhân có từ hai quốc tịch trở lên. [↑](#footnote-ref-34)
35. Nếu không có: vui lòng ghi rõ “Không có”. [↑](#footnote-ref-35)
36. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam. [↑](#footnote-ref-36)
37. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-37)
38. Bắt buộc đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật thì sẽ kê khai số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh. [↑](#footnote-ref-38)
39. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-39)
40. Quốc tịch thứ nhất: điền thông tin tại mục phía trên. NĐDTPL có 1 quốc tịch. [↑](#footnote-ref-40)
41. Trường hợp khách hàng có nhiều hơn 2 quốc tich, vui lòng bổ sung thêm trường thông tin tương tự để kê khai [↑](#footnote-ref-41)
42. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-42)
43. Ghi rõ đầy đủ Ngày, tháng, năm sinh. [↑](#footnote-ref-43)
44. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-44)
45. Áp dụng đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-45)
46. Bắt buộc điền thông tin liên quan Khách hàng Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch bên dưới. [↑](#footnote-ref-46)
47. Bắt buộc điền đầy đủ các thông tin nhận dạng tương ứng với các quốc tịch đối với khách hàng cá nhân có từ hai quốc tịch trở lên. [↑](#footnote-ref-47)
48. Nếu không có: vui lòng ghi rõ “Không có”. [↑](#footnote-ref-48)
49. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam. [↑](#footnote-ref-49)
50. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-50)
51. Bắt buộc đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật thì sẽ kê khai số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh. [↑](#footnote-ref-51)
52. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-52)
53. Quốc tịch thứ nhất: điền thông tin tại mục phía trên. NĐ DTUQ có 1 quốc tịch. [↑](#footnote-ref-53)
54. Trường hợp khách hàng có nhiều hơn 2 quốc tich, vui lòng bổ sung thêm trường thông tin tương tự để kê khai [↑](#footnote-ref-54)
55. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-55)
56. Trường hợp khách hàng có yêu cầu đặc thù về phạm vi ủy quyền trong quá trình sử dụng tài khoản thì cần cung cấp văn bản quy định rõ nội dung về phạm vi ủy quyền này [↑](#footnote-ref-56)
57. Ghi rõ đầy đủ Ngày, tháng, năm sinh. [↑](#footnote-ref-57)
58. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-58)
59. Áp dụng đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-59)
60. Bắt buộc điền thông tin liên quan Khách hàng Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch bên dưới. [↑](#footnote-ref-60)
61. Bắt buộc điền đầy đủ các thông tin nhận dạng tương ứng với các quốc tịch đối với cá nhân có từ hai quốc tịch trở lên. [↑](#footnote-ref-61)
62. Nếu không có: vui lòng ghi rõ “Không có”. [↑](#footnote-ref-62)
63. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam. [↑](#footnote-ref-63)
64. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-64)
65. Bắt buộc đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật thì sẽ kê khai số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh. [↑](#footnote-ref-65)
66. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-66)
67. Quốc tịch thứ nhất: điền thông tin tại mục phía trên. KTT/NPTKTcó 1 quốc tịch. [↑](#footnote-ref-67)
68. Trường hợp khách hàng có nhiều hơn 2 quốc tich, vui lòng bổ sung thêm trường thông tin tương tự để kê khai [↑](#footnote-ref-68)
69. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-69)
70. Ghi rõ đầy đủ Ngày, tháng, năm sinh. [↑](#footnote-ref-70)
71. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-71)
72. Áp dụng đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-72)
73. Bắt buộc điền thông tin liên quan Khách hàng Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch bên dưới. [↑](#footnote-ref-73)
74. Bắt buộc điền đầy đủ các thông tin nhận dạng tương ứng với các quốc tịch đối với cá nhân có từ hai quốc tịch trở lên. [↑](#footnote-ref-74)
75. Nếu không có: vui lòng ghi rõ “Không có”. [↑](#footnote-ref-75)
76. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam. [↑](#footnote-ref-76)
77. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-77)
78. Bắt buộc đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật thì sẽ kê khai số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh. [↑](#footnote-ref-78)
79. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-79)
80. Quốc tịch thứ nhất: điền thông tin tại mục phía trên. Người được KTT/NPTKT UQ có 1 quốc tịch. [↑](#footnote-ref-80)
81. Trường hợp khách hàng có nhiều hơn 2 quốc tich, vui lòng bổ sung thêm trường thông tin tương tự để kê khai [↑](#footnote-ref-81)
82. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-82)
83. Trường hợp khách hàng có yêu cầu đặc thù về phạm vi ủy quyền trong quá trình sử dụng tài khoản thì cần cung cấp văn bản quy định rõ nội dung về phạm vi ủy quyền này [↑](#footnote-ref-83)
84. Ghi rõ đầy đủ Ngày, tháng, năm sinh. [↑](#footnote-ref-84)
85. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-85)
86. Áp dụng đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-86)
87. Bắt buộc điền thông tin liên quan Khách hàng Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch bên dưới. [↑](#footnote-ref-87)
88. Bắt buộc điền đầy đủ các thông tin nhận dạng tương ứng với các quốc tịch đối với khách hàng cá nhân có từ hai quốc tịch trở lên. [↑](#footnote-ref-88)
89. Nếu không có: vui lòng ghi rõ “Không có”. [↑](#footnote-ref-89)
90. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam. [↑](#footnote-ref-90)
91. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-91)
92. Bắt buộc đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật thì sẽ kê khai số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh. [↑](#footnote-ref-92)
93. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-93)
94. Quốc tịch thứ nhất: điền thông tin tại mục phía trên.Khách hàng có 1 quốc tịch. [↑](#footnote-ref-94)
95. Trường hợp khách hàng có nhiều hơn 2 quốc tich, vui lòng bổ sung thêm trường thông tin tương tự để kê khai [↑](#footnote-ref-95)
96. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-96)
97. Chỉ áp dụng trong trường hợp Khách hàng muốn đăng ký quản lý chữ ký theo tài khoản [↑](#footnote-ref-97)
98. Trường hợp các thông tin này trùng với thông tin của các cá nhân khác được kê khai trên mẫu biểu này thì không cần điền lại [↑](#footnote-ref-98)
99. Ghi rõ đầy đủ Ngày, tháng, năm sinh. [↑](#footnote-ref-99)
100. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-100)
101. Áp dụng đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-101)
102. Bắt buộc điền thông tin liên quan Khách hàng Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch bên dưới. [↑](#footnote-ref-102)
103. Bắt buộc điền đầy đủ các thông tin nhận dạng tương ứng với các quốc tịch đối với cá nhân có từ hai quốc tịch trở lên. [↑](#footnote-ref-103)
104. Nếu không có: vui lòng ghi rõ “Không có”. [↑](#footnote-ref-104)
105. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam. [↑](#footnote-ref-105)
106. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-106)
107. Bắt buộc đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật thì sẽ kê khai số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh. [↑](#footnote-ref-107)
108. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam [↑](#footnote-ref-108)
109. Quốc tịch thứ nhất: điền thông tin tại mục phía trên. TGĐ/GĐcó 1 quốc tịch. [↑](#footnote-ref-109)
110. Trường hợp khách hàng có nhiều hơn 2 quốc tich, vui lòng bổ sung thêm trường thông tin tương tự để kê khai [↑](#footnote-ref-110)
111. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-111)
112. Trường hợp không phải Người đại diện theo Pháp luật, đề nghị Khách hàng cung cấp Văn bản ủy quyền giữa tổ chức với Người được ủy quyền đó theo mẫu của MSB, hoặc theo mẫu KH lập nhưng đảm bảo theo các nội dung quy định tại Điều 18. Ủy quyền sử dụng tài khoản (QĐ.VH.023). [↑](#footnote-ref-112)
113. Tổ chức tài chính: là các tổ chức quản lý giám hộ, công ty nhận tiền gửi, công ty đầu tư, hoặc một công ty bảo hiểm đặc thù [↑](#footnote-ref-113)
114. Mã số nhận dạng trung gian toàn cầu do Sở thuế vụ Hoa Kỳ cấp cho môt số đối tượng là Tổ chức tài chính nước ngoài [↑](#footnote-ref-114)
115. Là thể nhân thực hiện kiểm soát/ chi phối đối với một tổ chức.

     * Đối với Quỹ tín thác: thuật ngữ trên có nghĩa là một người ủy thác, người được ủy thác, người giám hộ (nếu có), người thụ hưởng hoặc nhóm người thụ hưởng, và bất kỳ thể nhân nào khác nắm quyền kiểm soát cuối cùng đối với quỹ tín thác đó.
     * Đối với các hình thức thỏa thuận pháp lý khác với quỹ tín thác: thuật ngữ trên có nghĩa là những người có vai trò/ vị trí tương đương.

     [↑](#footnote-ref-115)
116. Cung cấp Số Hộ chiếu hoặc số định danh cá nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp [↑](#footnote-ref-116)
117. Bỏ qua nếu không có thông tin [↑](#footnote-ref-117)
118. Dành cho trường hợp bắt buộc có xác nhận của ĐVKD khi mở tài khoản [↑](#footnote-ref-118)
119. Trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ mở tài khoản ngoài địa điểm giao dịch của MSB theo quy định từng thời kỳ. [↑](#footnote-ref-119)
120. Trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ mở tài khoản ngoài địa điểm giao dịch của MSB theo quy định từng thời kỳ. [↑](#footnote-ref-120)
121. Nếu trùng cán bộ cập nhật hồ sơ lên hệ thống thì có thể xóa phần này [↑](#footnote-ref-121)